

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79 /2019/DS-PT

Ngày: 22 - 3 - 2019

V/v tranh chấp “Đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp “Đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2018/DS-ST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Võ Văn Thích E, sinh năm 1968.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn anh Thích E: Chị Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1966 (có mặt) (Theo Văn bản ủy quyền số 3569 ngày 07/7/2018).

2. Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1966 (có mặt);.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thành P – Văn phòng luật sư Nguyễn Thành P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Bị đơn: Võ Ngọc T, sinh năm 1962 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Hộ ông Võ Ngọc T gồm:

1. Nguyễn Thị E, sinh năm 1964 (vắng mặt).
2. Võ Huỳnh Như Ngọc T, sinh năm 1987 (vắng mặt).
3. Võ Hữu T, sinh năm 1989 (vắng mặt).
4. Võ Thành V, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện T, Tiền Giang.

+ Hộ ông Võ Văn Thích E gồm:

5. Huỳnh Thị B, sinh năm 1938 (vắng mặt).

6. Võ Văn T, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, Tiền Giang.

7. Võ Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của Huỳnh Thị B, Võ Văn T và Võ Thị T: Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1966 (có mặt) (theo Văn bản ủy quyền số 3234 ngày 03/7/2018, số 3309 và 3308 ngày 07/7/2018 của Văn phòng công chứng B).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* nguyên đơn Võ Văn Thích E, Huỳnh Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Võ Văn Thích E và bà Huỳnh Thị Ngọc H trình bày:

Vào năm 2004 vợ chồng ông bà nhận chuyển nhượng của ông Võ Ngọc T 01 lóp đất diện tích 5.060m² tại vị trí lô 3, đội 6, tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Phần đất này ông Thời nhận khoán của Nông trường T. Vì vợ chồng ông bà và ông T là anh em kết nghĩa nên không có làm giấy tờ mua bán gì. Năm 2008 phần đất trên bị giải tỏa làm Khu công nghiệp L nên Nhà nước có hỗ trợ tiền bồi thường vào ngày 26/02/2008 ông T có đưa tôi số tiền là 83.000.000 đồng, đến ngày 07/7/2011 ông T đưa thêm số tiền là 50.000.000 đồng. Đến ngày 15/3/2017 ông T được hỗ trợ đền bù số tiền 357.000.000 đồng/21.000m², trong đó có cả phần diện tích đã chuyển nhượng cho chúng tôi 5.060m², ông T đã nhận xong nhưng ông T không giao trả tiền cho chúng tôi.

Nay ông bà yêu cầu ông T phải giao trả cho số tiền hỗ trợ đền bù diện tích 5.060m² là 90.000.000 đồng, yêu cầu giao trả ngay đủ một lần.

* Bị đơn ông Võ Ngọc T trình bày: Vào năm 2000 ông và ông Võ Văn Thích E có kết nghĩa anh em vì cùng họ, rất thân thích nhau. Do thấy ông Thích E không có ruộng đất canh tác nên vào năm 2004 ông có cho ông Thích E mượn khoảng 5.000m² đất trong phần diện tích đất ông nhận khoán của Nông trường T để ông Thích E trồng khóm. Việc cho mượn đất canh tác cũng không làm giấy tờ gì. Năm 2008 phần đất trên bị giải tỏa làm Khu công nghiệp L nên Nhà nước có hỗ trợ tiền bồi thường. Khi nhận tiền đền bù lần 1 xong do thấy ông Thích E

cực khổ nên ông có cho vợ chồng ông Thích E số tiền là 90.000.000 đồng, khi đó ông nhờ gì ông Thích E cũng làm. Đến năm 2011 ông nhận tiền đền bù lần 2 ông có cho ông Thích E tiếp số tiền là 50.000.000 đồng để ông Thích E làm nhà, nay làm nhà xong ông kêu làm gì Thích E cũng không chịu làm nên anh em không thuận nữa. Đến năm 2017 ông có được hồ đền bù số tiền 357.000.000 đồng nhưng ông không cho nữa. Nay theo yêu cầu của vợ chồng ông Thích E thì ông không đồng ý.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị E, chị Võ Huỳnh Như Ngọc T, anh Võ Hữu T và anh Võ Thành V có ý kiến thống nhất theo lời trình bày của ông Võ Ngọc T và không có ý kiến gì khác.

* Bản án sơ thẩm số: 83/2018/DSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng các Điều 158, 160, 163, 164, 166, 579 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E yêu cầu ông Võ Ngọc T phải trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E phải chịu 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông E và bà H đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 18992 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 15/11/2018, ông Võ Văn Thích E, bà Huỳnh Thị Ngọc H có đơn kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, buộc ông Võ Ngọc T phải trả cho vợ chồng ông bà số tiền 90.000.000 đồng, sửa 01 phần án phí.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn Thích E, bà Huỳnh Thị Ngọc H và bà H, ông Thích E thống nhất trình bày: vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông Thời đã nhận tiền hỗ trợ đền bù giải tỏa 03 lần, ông Thời thừa nhận đã giao tiền cho ông Thích E và bà H 02 lần, lần 3 chưa đưa do hai bên có mâu thuẫn. Việc hỗ trợ đền bù như sau:

- Lần 1 hỗ trợ mức 180.000.000 đồng/1 ha, sau khi trừ các chi phí thì ông Thời giao cho ông Thích E, bà H 83.000.000 đồng.

- Lần 2 hỗ trợ mức 100.000.000 đồng/1 ha, sau khi trừ các chi phí thì ông Thời giao cho ông Thích E, bà H 50.000.000 đồng.

- Lần 3 hỗ trợ mức 170.000.000 đồng/1 ha thì ông T phải giao cho ông Thích E, bà H 86.000.000 đồng, nhưng ông T không giao.

Tại Bút lục 58, ông Thời khai có cho ông Thích E hơn 5.000m² đất để canh tác, không có tài liệu nào thể hiện ông T cho mượn đất. Lời khai của các hộ giáp ranh thể hiện: họ biết có việc chuyển nhượng và ông Thích E trồng khóm cho đến khi bị thu hồi đất. Án sơ thẩm không đưa Nông trường T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ có việc chấp nhận cho việc chuyển nhượng đất giữa ông T với ông Thích E hay không là vi phạm tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có kiến nghị gì.

+ Về nội dung vụ án: Ông Võ Văn Thích E và bà Huệ kháng cáo cho rằng ông Võ Ngọc T đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông bà diện tích đất 5.060m² tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang là 01 phần trong tổng diện tích đất ông T nhận khoán của Nông trường T, phần đất này đã bị giải tỏa đền bù, ông T đã nhận tiền nhưng không giao cho vợ chồng ông bà. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu buộc ông T giao trả 90.000.000 đồng tiền đền bù đất đã giải tỏa, nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thích E và bà H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Ngọc Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị E, Võ Huỳnh Như Ngọc T, Võ Hữu T, Võ Thành V, Huỳnh Thị B, Võ Văn T, Võ Thị T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Thích E và bà Huỳnh Thị Ngọc H. Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông Võ Văn Thích E và bà Huỳnh Thị Ngọc H cho rằng vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Võ Ngọc T 01 lóp đất diện tích 5.060m² tọa lạc tại ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang mà ông T nhận khoán của Nông trường T, hai bên không có làm giấy tờ gì. Ông T không thừa nhận. Ông Thích E và bà H không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh. Hơn nữa, ông T trực tiếp nhận khoán của Nông trường T phần đất diện tích 21.000m². Nếu thực tế có việc ông T chuyển nhượng diện tích 5.060m² trong phần đất nhận khoán của Nông trường cho vợ chồng ông Thích E, bà H thì phải có sự đồng ý của Nông trường T. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H thừa nhận ông Thích E làm công cho ông T từ năm 2004 đến năm 2009 mà không có nhận

tiền công và việc nhận đất canh tác là nhận đất để canh tác trồng khóm đến năm 2013 hết hạn hợp đồng thuê khoán thì trả lại, phù hợp với lời khai của ông T.

[3] Ông T được hỗ trợ đền bù 21.000m² đất với số tiền 357.000.000 đồng, tương ứng với mức giá 17.000 đồng/01m² (Bút lục số 03, 04). Như vậy, diện tích đất 5.060m² mà ông Thích E và bà H cho rằng ông T chuyển nhượng sẽ tương ứng với số tiền 86.020.000 đồng. Ông Thích E và bà H không có giấy tờ gì chứng minh có việc chuyển nhượng đất khóm, nếu có việc chuyển nhượng thì việc chuyển nhượng cũng không hợp pháp. Nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh có sự hỗ trợ đền bù cho ông Thích E, bà H. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Thích E và bà H cũng không có chứng cứ gì mới để chứng minh. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thích E và bà H.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Thích E và bà Huỳnh Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Ý kiến của luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của ông Võ Văn Thích E và bà Huỳnh Thị Ngọc H không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 điều 147, Điều 148, khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 158, 160, 163, 164, 166, 579 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn Thích E và bà Huỳnh Thị Ngọc H.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 83/2018/DSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Phân tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E yêu cầu ông Võ Ngọc T phải trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E phải chịu 4.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thẩm ông E và bà Huệ đã nộp 2.250.000 đồng theo biên lai thu số 18992 ngày 15/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang. Bà Huỳnh Thị Ngọc H và ông Võ Văn Thích E còn phải nộp tiếp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Võ Văn Thích E, bà Huỳnh Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 19511 ngày 15/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên xem như đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện T;
 - THADS huyện T;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2019-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Toàn